

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ S
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/DS-ST
Ngày: 06 – 9 – 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Khel

Ông Nguyễn Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2022/TLST-DS, ngày 04/01/2022, về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2022/QĐXXST-DS ngày 02/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) N; Địa chỉ: Số 198, đường T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

- Người đại diện hợp pháp của của nguyên đơn: Ông Trần Chí L- Giám đốc Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh S; Địa chỉ: Số 03, đường T, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Phan Út H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp 18, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 11 năm 2021 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 23 tháng 8 năm 2022, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Chí L trình bày:

Vào ngày 20/7/2017, ông Phan Út H và Ngân hàng TMCP N- Chi nhánh S đã thống nhất ký Hợp đồng tín dụng số 0217/17/HĐTD/ST/TN1 với nội dung cụ thể như sau:

Số tiền vay là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng); Mục đích vay là tiêu dùng hợp pháp; Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay; Lãi suất trong hạn là 10,5%/năm; Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn; Phương thức trả nợ gốc theo bản kế hoạch trả nợ ngày 20/7/2017; Thời gian trả lãi định kỳ hàng tháng.

Trong quá trình vay vốn kể từ ngày 20/7/2017 đến ngày 06/9/2022, ông Phan Út H trả nợ gốc được 10.689.755 đồng, số tiền còn lại tạm tính đến ngày 06/9/2022 là 12.800.098 đồng (nợ gốc là 9.310.245 đồng, lãi trong hạn là 2.835.447 đồng, lãi quá hạn là 654.406 đồng).

Theo Điều 5 của Hợp đồng cho vay thì ông Phan Út H phải trả nợ gốc lãi theo thỏa thuận đã ký kết nhưng không thực hiện. Mặc dù Ngân hàng TMCP N làm văn bản thông báo nhắc nhở và yêu cầu ông H thực hiện trả nợ nhưng ông không thực hiện.

Nay Ngân hàng TMCP N yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Phan Út H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng với tổng số tiền tạm tính đến ngày 06/9/2022 là 12.800.098 đồng ((mười hai triệu tám trăm nghìn không trăm chín mươi tám đồng) (trong đó nợ gốc là 9.310.245 đồng, lãi trong hạn là 2.835.447 đồng, lãi quá hạn là 654.406 đồng)) và buộc ông Phan Út H thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ các khoản lãi quá hạn, phí phát sinh theo lãi suất thỏa thuận của hợp đồng cho vay nói trên kể từ ngày tuyên án cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

* Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

* Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Bị đơn không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà nguyên đơn đã trình bày và giao nộp cho Tòa án.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng TMCP N yêu cầu ông Phan Út H trả số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án, bị đơn ông Phan Út H cư trú tại ấp 18, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Tuy nhiên khi ký kết Hợp đồng tín dụng vào ngày 20/7/2017, giữa Ngân hàng TMCP N và ông Phan Út H thống nhất thỏa thuận “*Trong trường hợp không thương lượng được, các bên thống nhất giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền của Việt Nam nơi Ngân hàng TMCP N chi nhánh S có trụ sở tại thời điểm nộp đơn khởi kiện*” nên Tòa án nhân dân thành phố S thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo sự lựa chọn của nguyên đơn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Từ khi Tòa án nhân dân thành phố S thụ lý vụ án đến nay, bị đơn ông Phan Út H vắng mặt tại nơi cư trú. Tuy nhiên, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, nhưng bị đơn thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng nêu trên mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú, làm việc mới. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án, có thể xác định bị đơn cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án vẫn giải quyết theo thủ tục chung, thực hiện các thủ tục niêm yết văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[3] Về nội dung khởi kiện của Ngân hàng TMCP N:

[3.1] Hợp đồng tín dụng số 0217/17/HĐTD/ST/TN1 ngày 20/7/2017 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP N và ông Phan Út H đã tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng đã ký.

[3.2] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Phan Út H phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ là 12.800.098 đồng ((mười hai triệu tám trăm nghìn không trăm chín mươi tám đồng) (trong đó nợ gốc là 9.310.245 đồng, lãi trong hạn là 2.835.447 đồng, lãi quá hạn là 654.406 đồng)).

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 và khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về việc xác định chứng cứ và những tình tiết sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định ông Phan Út H có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP N, được Ngân hàng phê duyệt giải ngân số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), lãi suất là 10,5%/năm, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho

vay trong hạn; Mục đích sử dụng vốn vay: Tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Phan Út H đã trả được số tiền là 10.689.755 đồng và hiện nay đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên việc Ngân hàng TMCP N yêu cầu ông Phan Út H trả số tiền nợ gốc còn lại là 9.310.245 đồng, tiền lãi 3.489.853 đồng là có căn cứ, phù hợp với nội dung thỏa thuận về việc trả nợ gốc, chuyển nợ quá hạn, tính lãi tiền vay tại hợp đồng tín dụng đã ký kết và quy định tại Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Phan Út H phải chịu 640.000 đồng (sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N.

Buộc ông Phan Út H trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền còn nợ tổng cộng là 12.800.098 đồng ((mười hai triệu tám trăm nghìn không trăm chín mươi tám đồng) (trong đó nợ gốc là 9.310.245 đồng, lãi trong hạn là 2.835.447 đồng, lãi quá hạn là 654.406 đồng)).

Kể từ ngày 07/9/2022 cho đến khi thi hành án xong, ông Phan Út H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông Phan Út H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP N cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP N.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng TMCP N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí đã nộp

là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000160 ngày 23/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Phan Út H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 640.000 đồng (sáu trăm bốn mươi đồng).

3. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP N và ông Phan Út H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố S;
- CC THADS thành phố S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Lệ Hằng